

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 14-3-2019

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Cao

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Nhanh

2. Bà Lê Thị Nhung

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Yên Oanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 424/2016/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 816/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Chu Tất D, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 20/232 T, Phường Q, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Kiều P, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Quốc tịch: Việt Nam.

Nơi cư trú: Vancouver BC V5K 2G2, Canada.

Ông Chu Tất D đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 26/7/2016 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Chu Tất D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đặng Thị Kiều P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 1392, Quyền số 07 ngày 24/5/2013. Sau khi kết hôn, bà P quay về Canada và hai người vẫn thường liên lạc với nhau qua điện thoại. Do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Ông xác nhận

hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có. Do bận việc, ông đề nghị được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn là bà Đặng Thị Kiều P, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp để tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo về việc thụ lý vụ án, về thời gian mở phiên họp hoà giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án cho bà P theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu bà P có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc bà ông Chu Tất D khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo văn bản ủy thác tư pháp số 1294/TTTPDS-TA ngày 02/12/2016). Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án không nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt cũng như lời khai, tài liệu, chứng cứ của đương sự ở nước ngoài và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ngày 12/9/2018, Tòa án có Công văn số 605/TAND-CV đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Canada thực hiện thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán để thông báo ngày, giờ, địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa cho bà Đặng Thị Kiều P. Nhưng cho đến nay, bà P vẫn không có phản hồi cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung, Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Chu Tất D, Hội đồng xét xử nhận thấy ông D và bà P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn Đặng Thị Kiều P hiện đang cư trú tại Canada nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản khai, thông báo ngày, giờ, địa

điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của bị đơn. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của ông Chu Tất D yêu cầu ly hôn bà Đặng Thị Kiều P, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của ông D (ông D cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời khai của ông) thì ông và bà P chung sống không hạnh phúc. Từ khi kết hôn cho đến nay, ông D và bà P không có quá trình chung sống lâu dài, do khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay ông D và bà P đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông D yêu cầu ly hôn với bà P là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho ông D ly hôn với bà P là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Chu Tất D khai không có, Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng, ông Chu Tất D chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Chu Tất D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Chu Tất D được ly hôn với bà Đặng Thị Kiều P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 1392, Quyền số 07 ngày 24/5/2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Chu Tất D và bà Đặng Thị Kiều P không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Chu Tất D khai không có, Tòa không xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 200.000 đồng, ông Chu Tất D chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng mà ông D đã đóng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0031310 ngày 06/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D đã nộp đủ tiền án phí.

3. Ông Chu Tất D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Bà Đặng Thị Kiều P được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Chí Cao**